

# **Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



# Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	14 - 71

# Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 9 tháng 3 năm 2007, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 34 ngày 20 tháng 7 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là AAA từ tháng 11 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa (PP, PE), bao bì nhựa các loại, và mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam và Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Tầng 16, tòa nhà PV Oil, số 148 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022
Ông Đinh Xuân Cường	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên	
Bà Trần Thị Thoản	Thành viên	
Ông Phan Trí Nghĩa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc
Bà Hòa Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thoản	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Thụ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lâm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Giang	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phượng	Thành viên
Bà Văn Thị Lan Anh	Thành viên

# Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 9 tháng 1 năm 2022 là Ông Phạm Ánh Dương và từ ngày 10 tháng 1 năm 2022 đến ngày lập báo cáo hợp nhất này là Ông Nguyễn Lê Trung.

Bà Hòa Thị Thu Hà, Phó Tổng Giám đốc, được người đại diện theo pháp luật ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo theo Giấy ủy quyền số 1001/2022/UQ ngày 10 tháng 1 năm 2022.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý. tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Hòa Thị Thu Hà  
Phó Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 61515943/22963848-HN/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập ngày 29 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 71, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trịnh Hoàng Anh  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2071-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>5.808.222.903.667</b>	<b>5.354.610.509.760</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>1.020.615.568.519</b>	<b>1.988.170.740.182</b>
111	1. Tiền		614.486.674.102	1.156.983.447.299
112	2. Các khoản tương đương tiền		406.128.894.417	831.187.292.883
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>461.156.000.000</b>	<b>436.156.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	461.156.000.000	436.156.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>2.213.600.227.647</b>	<b>1.795.468.441.466</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	1.532.331.449.862	1.136.560.751.303
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	294.306.624.209	369.721.515.275
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	279.288.800.000	84.906.400.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	118.499.553.356	215.105.974.668
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(10.826.199.780)	(10.826.199.780)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>1.910.442.387.300</b>	<b>997.384.835.429</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.925.460.191.272	997.384.835.429
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(15.017.803.972)	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>202.408.720.201</b>	<b>137.430.492.683</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	21.319.751.410	25.561.564.271
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		181.088.968.791	111.868.928.412



Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
			Đơn vị tính: VND	
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>5.119.501.983.546</b>	<b>4.654.916.125.531</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>85.387.374.158</b>	<b>278.966.433.205</b>
211	1. Phải thu dài hạn khách hàng	6.1	69.460.800.930	217.828.798.677
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	7	-	44.699.588.400
216	3. Phải thu dài hạn khác	8	15.926.573.228	16.438.046.128
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.993.981.354.776</b>	<b>2.100.839.611.952</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	1.915.750.385.370	2.022.419.512.484
222	Nguyên giá		3.495.514.143.417	3.482.794.904.334
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.579.763.758.047)	(1.460.375.391.850)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	78.230.969.406	78.420.099.468
228	Nguyên giá		98.909.557.194	97.500.446.394
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(20.678.587.788)	(19.080.346.926)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>13</b>	<b>509.061.137.434</b>	<b>526.347.470.213</b>
231	1. Nguyên giá		592.031.360.148	589.841.711.552
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(82.970.222.714)	(63.494.241.339)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>895.131.885.773</b>	<b>853.176.364.818</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	895.131.885.773	853.176.364.818
<b>250</b>	<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>15</b>	<b>1.328.019.487.262</b>	<b>569.909.270.071</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		1.174.267.007.810	521.914.270.071
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		123.752.479.452	17.995.000.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		30.000.000.000	30.000.000.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>307.920.744.143</b>	<b>325.676.975.272</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	269.073.386.524	287.014.288.216
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.3	4.337.223.740	2.112.010.295
269	3. Lợi thế thương mại	17	34.510.133.879	36.550.676.761
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>10.927.724.887.213</b>	<b>10.009.526.635.291</b>

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>5.337.317.566.503</b>	<b>4.555.144.898.241</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.996.286.768.740</b>	<b>3.282.339.419.557</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18.1	977.948.766.994	609.834.689.481
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18.2	139.711.640.962	147.979.129.414
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	29.436.223.748	39.202.557.924
314	4. Phải trả người lao động		27.713.556.911	44.367.894.217
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	19.209.541.454	21.534.971.150
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	86.538.235.165	66.065.977.511
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	276.417.326.553	162.955.107.399
320	8. Vay ngắn hạn	23	2.390.694.768.419	2.183.181.098.128
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	24	48.616.708.534	7.217.994.333
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.341.030.797.763</b>	<b>1.272.805.478.684</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn	18.1	637.173.380	887.312.160
333	2. Chi phí phải trả dài hạn	20	4.737.830.138	-
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	166.272.933.049	89.443.518.069
337	4. Phải trả dài hạn khác	22	9.740.653.826	6.476.802.623
338	5. Vay dài hạn	23	1.159.642.207.370	1.175.997.845.832

# Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>5.590.407.320.710</b>	<b>5.454.381.737.050</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>25</b>	<b>5.590.407.320.710</b>	<b>5.454.381.737.050</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		3.264.344.960.000	3.264.344.960.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.264.344.960.000	3.264.344.960.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		712.591.123.817	712.591.123.817
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		44.744.930.000	26.544.930.000
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(35.843.448)	(9.142.474.446)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		80.481.616.464	80.481.616.464
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.177.404.323	13.177.404.323
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		756.325.262.940	706.493.529.920
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước		630.431.349.491	374.404.489.280
429	8. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		125.893.913.449	332.089.040.640
			718.777.866.614	659.890.646.972
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>10.927.724.887.213</b>	<b>10.009.526.635.291</b>



Đỗ Hoài Linh  
Người lập



Nguyễn Thị Thùy Vân  
Kế toán trưởng



Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	8.606.587.371.128	5.554.170.049.205
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	(4.042.784.489)	(5.806.885.101)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	8.602.544.586.639	5.548.363.164.104
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(7.865.036.320.406)	(4.945.240.837.967)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		737.508.266.233	603.122.326.137
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	93.777.033.912	95.569.109.009
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay (không bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)</i>	28	(110.086.790.725)  (75.756.440.960)	(97.427.746.971)  (82.261.165.210)
24	8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết		24.756.967.810	7.080.345.083
25	9. Chi phí bán hàng	29	(392.595.794.497)	(286.770.716.527)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(114.892.553.659)	(89.936.686.381)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		238.467.129.074	231.636.630.350
31	12. Thu nhập khác	30	3.158.104.503	4.067.353.005
32	13. Chi phí khác	30	(4.200.382.134)	(12.417.987.911)
40	14. Lỗ khác	30	(1.042.277.631)	(8.350.634.906)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		237.424.851.443	223.285.995.444
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(49.954.854.035)	(34.077.193.543)
52	17. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	32.3	2.225.213.446	(3.692.716.376)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		189.695.210.854	185.516.085.525
61	19. Lợi nhuận sau thuế thuộc về công ty mẹ		173.511.138.874	161.468.382.571

# Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
62	20. Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông không kiểm soát		16.184.071.980	24.047.702.954
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	532	513
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	34	532	513



Đỗ Hoài Linh  
Người lập



Nguyễn Thị Thùy Vân  
Kế toán trưởng



Hòa Thị Thu Hà  
Phó Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
			Đơn vị tính: VND	
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>237.424.851.443</b>	<b>223.285.995.444</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình và phân bổ tiền thuê đất trả trước (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		155.207.034.206	156.028.576.209
03	Các khoản dự phòng		15.017.803.972	1.038.219.397
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.402.271.095	3.398.132.424
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(69.932.435.830)	(52.418.373.912)
06	Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu, khoản vay)	28	78.907.213.688	85.749.013.507
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>419.026.738.574</b>	<b>417.081.563.069</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(263.705.565.026)	7.253.008.062
10	Tăng hàng tồn kho		(916.120.269.595)	(78.462.860.439)
11	Giảm/(tăng) các khoản phải trả		584.223.490.283	(253.670.389.607)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		38.884.663.781	(17.793.311.453)
14	Tiền lãi vay đã trả		(76.076.186.917)	(85.840.440.338)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(58.852.266.613)	(14.385.420.254)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	24	(18.495.520.328)	(31.733.410.617)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(291.114.915.841)</b>	<b>(57.551.261.577)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(131.015.896.647)	(229.769.172.717)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		5.246.397.306	60.000.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(342.006.200.000)	(651.127.700.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		167.323.388.400	1.375.862.358.561
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ tiền nhận về)		(784.764.518.297)	(185.639.923.243)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		400.000.000	7.125.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		42.095.640.337	54.095.884.040
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.042.721.188.901)</b>	<b>370.606.446.641</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	25.1	184.465.690.000	1.145.778.154.488
33	Tiền thu từ đi vay		4.256.638.029.516	4.148.310.779.742
34	Tiền trả nợ gốc vay		(4.085.763.083.457)	(4.354.845.504.134)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(152.250.000)	(95.860.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>355.188.386.059</b>	<b>939.147.570.096</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(978.647.718.683)</b>	<b>1.252.202.755.160</b>
60	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>1.988.170.740.182</b>	<b>963.717.122.052</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		11.092.547.020	(1.710.121.974)
70	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>1.020.615.568.519</b>	<b>2.214.209.755.238</b>



Đỗ Hoài Linh  
Người lập



Nguyễn Thị Thùy Vân  
Kế toán trưởng

Hòa Thị Thu Hà  
Phó Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 9 tháng 3 năm 2007, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 34 vào ngày 20 tháng 7 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ tháng 11 năm 2016 với mã chứng khoán là AAA.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa (PP, PE), bao bì nhựa các loại, và mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư và phát triển hạ tầng khu công nghiệp của Nhóm Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng của khu công nghiệp cho đến thời điểm hoàn thành và bàn giao cho khách hàng, do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư và phát triển hạ tầng khu công nghiệp của Nhóm Công ty có thể kéo dài trên 12 tháng. Chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động khác thông thường là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam và Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Tầng 16, tòa nhà PV Oil, số 148 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 2.713 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 2.964 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, công ty có 9 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 9 công ty con) với chi tiết như sau:

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần An Tiến Industries (“Công ty An Tiến”)	Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam.	52,14	52,14	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, sản xuất phụ gia và bột đá
2	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (“Công ty An Phát Complex”)	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	92,02	92,02	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp
3	An Thanh Bicsol Singapore PTE. Ltd. (“Công ty An Thành Singapore”) (i)	Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore.	52,14	100	Kinh doanh hạt nhựa
4	Công ty Cổ phần An Thành Bicsol (“Công ty An Thành”) (i)	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	75,28	99,69	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY** (tiếp theo)

**Cơ cấu tổ chức** (tiếp theo)

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
5	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín ("Công ty An Tín") (i)	Số 64.22 đường Phạm Hùng, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	51,62	99	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường ven biển và viễn dương
6	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 ("Công ty An Phát Complex 1") (i)	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	46,93	51	Phát triển và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp
7	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh ("Công ty An Vinh")	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	98,26	98,26	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa
8	An Phat International, Inc.	10701 Corporate Drive, Suite 268, Stafford, Texas 77477, USA.	99,999	99,999	Đầu tư, kinh doanh các sản phẩm màng mỏng và các sản phẩm nhựa khác
9	AFC EcoPlastics, LLC. (i)	PO Box 1831 Austin, Texas 78767, USA.	75	75	Kinh doanh hạt nhựa

(i) Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết trong công ty con này khác nhau do Công ty kiểm soát công ty con này gián tiếp thông qua một công ty con khác.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY** (tiếp theo)

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng** (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của công ty mẹ chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa Nhóm Công ty và giữa các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc lỗ lũy kế.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.2 Hàng tồn kho**

*Hàng hóa bất động sản*

Bất động sản khu công nghiệp được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa bất động sản đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí đầu giá quyền sử dụng đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, chi phí quản lý xây dựng chung, chi phí làm đường và xây dựng hệ thống thoát nước, chi phí trồng cây xanh và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết tính giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích hoặc giá trị hợp lý tương ứng của bất động sản đó.

*Hàng tồn kho khác*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |   |  |
|---|--|
| Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.<br>- Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |
|---|--|

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.6 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Thuê tài sản (tiếp theo)**

*Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	4 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	5 - 30 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 12 năm
Quyền sử dụng đất	18 - 49 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm

Công ty không trích khấu hao đối với tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài.

**3.8 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	8 - 10 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 năm
Tài sản khác	6 - 10 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- ▶ Quyền sử dụng đất tương ứng với các lô đất cho thuê hoặc sử dụng;
- ▶ Chi phí trả trước về thuê đất và thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Lê Việt vào năm 2018 trong thời hạn 37 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản và nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa không quá mười (10) năm. Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. **TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

3.12 **Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Công ty dùng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ thời điểm khoản đầu tư không còn là công ty liên kết. Phần lãi/(lỗ) từ việc thanh lý khoản đầu tư trong công ty liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.14 Người mua trả tiền trước**

Các khoản tiền khách hàng ứng trước để mua hàng hóa hoặc dịch vụ trong tương lai mà chưa đủ điều kiện để được ghi nhận là doanh thu trong kỳ được phản ánh trong tài khoản "Người mua trả tiền trước" trong phần nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Cho mục đích hợp nhất, báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng ngoại tệ của công ty con ở nước ngoài sẽ được chuyển đổi sang VND dựa trên:

- ▶ Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày bằng ngoại tệ và được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ Hướng dẫn về việc chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng ngoại tệ sang báo cáo tài chính giữa niên độ được chuyển đổi sang VND của Thông tư 200/2014-TT/BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng ngoại tệ của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi mất quyền kiểm soát trong công ty con.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông theo Quyết định của Hội đồng Quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

*Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Các quỹ được trích lập theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các năm tài chính nhằm mục đích dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu bán nhà xưởng*

Doanh thu bán nhà xưởng được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro và lợi ích trọng yếu gắn liền với quyền sở hữu nhà xưởng được chuyển giao cho người mua và doanh thu có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Doanh thu cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Đối với trường hợp cho thuê tài sản có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ và thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Nhóm Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Nhóm Công ty không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- ▶ Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- ▶ Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; và
- ▶ Nhóm Công ty ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

*Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn*

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. **TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

3.18 **Thuế** (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.19 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.20 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc xác định báo cáo bộ phận của Nhóm Công ty theo hoạt động kinh doanh dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp và dựa trên khu vực địa lý của việc bán hàng.

**3.21 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền mặt	1.719.621.933	1.571.417.671
Tiền đang chuyển	1.675.440.000	-
Tiền gửi ngân hàng	611.091.612.169	1.155.412.029.628
Các khoản tương đương tiền (*)	406.128.894.417	831.187.292.883
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.020.615.568.519</b>	<b>1.988.170.740.182</b>

(\*) Là khoản tiền gửi bằng VND và USD tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng, với lãi suất từ 3% đến 5,4%/năm với tiền gửi bằng VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3% đến 5,4%/năm với tiền gửi bằng VND) và 0% với tiền gửi bằng USD.

Một số tài khoản tiền gửi và tài khoản thanh toán với tổng số tiền là 37,6 tỷ VND đã được thế chấp cho một số khoản vay ngân hàng của Nhóm Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 23.

Công ty cũng có một khoản tiền thanh toán bị phong tỏa với tổng giá trị là 1,5 triệu USD (tương đương với số tiền là 34,6 tỷ VND theo tỷ giá quy đổi tại ngày 30 tháng 6 năm 2022) đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của Công ty An Phát International, Inc. với một ngân hàng thương mại.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Đơn vị tính: VND					
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	36.156.000.000	36.156.000.000	-	11.156.000.000	11.156.000.000	-
Trái phiếu (ii)	425.000.000.000	425.000.000.000	-	425.000.000.000	425.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>461.156.000.000</b>	<b>461.156.000.000</b>	<b>-</b>	<b>436.156.000.000</b>	<b>436.156.000.000</b>	<b>-</b>

(i) Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn từ 6 đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 3,25%/năm đến 6,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 4,9%/năm đến 5,5%/năm).

(ii) Đây là các khoản trái phiếu doanh nghiệp có lãi suất quy đổi 8,2%/năm, các trái phiếu này được cam kết bán cho một bên khác vào tháng 1 năm 2023.

Một số tài khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng với tổng số tiền khoảng 34 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 9 tỷ VND) đã được thế chấp cho một số khoản vay ngân hàng của Nhóm Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 23.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải thu từ cho thuê dài hạn đất, hạ tầng khu công nghiệp và bán nhà xưởng	4.166.167.627	24.493.448.269
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần	54.492.480.000	54.492.480.000
Phải thu liên quan đến hoạt động kinh doanh hạt nhựa, bao bì và dịch vụ khác	<u>1.473.672.802.235</u>	<u>1.057.574.823.034</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.532.331.449.862</u></b>	<b><u>1.136.560.751.303</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(9.600.118.980)	(9.600.118.980)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn từ khách hàng khác</i>	<i>1.372.761.352.884</i>	<i>1.113.999.501.391</i>
<i>Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	<i>159.570.096.978</i>	<i>22.561.249.912</i>
<b>Dài hạn</b>		
Phải thu từ bên liên quan (*) (Thuyết minh số 33)	<u>69.460.800.930</u>	<u>217.828.798.677</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>69.460.800.930</u></b>	<b><u>217.828.798.677</u></b>

(\*) Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là khoản phải thu dài hạn từ Công ty Ankor Bioplastics Co. Ltd có kỳ hạn 60 tháng, hưởng lãi suất 1%/năm.

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Trả trước chi phí xây dựng	61.744.673.901	37.847.791.990
Trả trước cho người bán khác	229.942.536.143	329.246.334.120
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 33)	<u>2.619.414.165</u>	<u>2.627.389.165</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>294.306.624.209</u></b>	<b><u>369.721.515.275</u></b>
Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi	(1.226.080.800)	(1.226.080.800)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>		
Cho vay bằng VND (i)	166.700.000.000	40.000.000.000
Cho vay bằng USD (ii)	58.532.400.000	28.350.000.000
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 33)	54.056.400.000	16.556.400.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>279.288.800.000</b>	<b>84.906.400.000</b>
<b>Dài hạn</b>		
Cho vay bằng USD	-	14.699.588.400
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 33)	-	30.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>44.699.588.400</b>

- (i) Khoản cho vay một số đối tác doanh nghiệp đáo hạn từ tháng 8 năm 2022 đến tháng 6 năm 2023 và hưởng lãi suất từ 6% - 9%/năm. Trong đó, một khoản cho vay với số tiền 60 tỷ VND được đảm bảo bằng 4,5 triệu cổ phiếu APH. Số dư cho vay còn lại là tín chấp.
- (ii) Khoản cho vay một số đối tác doanh nghiệp đáo hạn từ tháng 1 năm 2023 đến tháng 6 năm 2023 và hưởng lãi suất từ 1% - 6,5%/năm. Trong đó, một khoản cho vay với số tiền 41 tỷ VND được đảm bảo bằng toàn bộ hàng tồn kho sở hữu bởi một đối tác doanh nghiệp. Số dư cho vay còn lại là tín chấp.

8. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng	66.105.695.574	-	20.633.164.158	-
Ký cược, ký quỹ	17.403.697.058	-	28.695.037.255	-
Lãi dự thu	15.049.112.972	-	10.369.692.650	-
Đặt cọc mua cổ phần	-	-	139.200.000.000	-
Phải thu khác	19.941.047.752	-	16.208.080.605	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>118.499.553.356</b>	<b>-</b>	<b>215.105.974.668</b>	<b>-</b>
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu ngắn hạn khác	96.764.386.106	-	208.798.301.647	-
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	21.735.167.250	-	6.307.673.021	-
<b>Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	1.712.680.228	-	1.512.803.128	-
Phải thu khác	14.213.893.000	-	14.925.243.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.926.573.228</b>	<b>-</b>	<b>16.438.046.128</b>	<b>-</b>

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập khẩu Phúc Hưng	8.338.103.600	-	8.338.103.600	-
Công ty TNHH Dalian Hualaito Trading	1.226.080.800	-	1.226.080.800	-
Khác	1.477.191.946	215.176.566	1.477.191.946	215.176.566
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.041.376.346</b>	<b>215.176.566</b>	<b>11.041.376.346</b>	<b>215.176.566</b>

10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	984.554.705.718	(15.017.803.972)	374.703.440.615	-
Nguyên vật liệu	457.819.595.969	-	284.428.166.215	-
Hàng mua đang đi đường	202.752.245.650	-	126.634.539.217	-
Thành phẩm	103.155.159.197	-	122.425.580.065	-
Hàng gửi bán	89.733.602.875	-	38.807.445.524	-
Công cụ, dụng cụ	30.023.655.129	-	28.288.914.262	-
Hạ tầng khu công nghiệp	55.835.701.251	-	15.837.382.659	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.585.525.483	-	6.259.366.872	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.925.460.191.272</b>	<b>(15.017.803.972)</b>	<b>997.384.835.429</b>	<b>-</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	-	391.978.205
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	15.017.803.972	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(391.978.205)
Số cuối kỳ	15.017.803.972	-

Một số hàng tồn kho với giá trị là 554,9 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 23.



# Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

## 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	Tài sản cố định hữu hình khác	Đơn vị tính: VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	996.736.876.467	2.104.335.543.922	306.938.843.609	17.353.704.364	19.461.000.000	37.968.935.972	3.482.794.904.334
- Mua trong kỳ	-	12.318.003.779	8.507.883.351	48.175.330	-	213.500.000	21.087.562.460
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.647.394.087	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(13.383.594.494)	-	-	-	4.647.394.087
- Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	213.199.200	995.400	134.414.699	19.267.731	-	-	(13.383.594.494)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	1.001.597.469.754	2.116.654.543.101	302.197.547.165	17.421.147.425	19.461.000.000	38.182.435.972	3.495.514.143.417
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	13.579.634.994	253.137.631.823	25.635.582.064	1.428.009.024	-	2.030.169.901	295.811.027.806
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	218.202.899.367	1.036.663.746.623	170.198.369.166	8.963.063.128	8.178.175.958	18.169.137.608	1.460.375.391.850
- Khấu hao trong kỳ	21.997.672.177	86.839.196.100	16.369.983.748	1.226.513.176	654.078.926	1.881.550.868	128.968.994.995
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(9.634.383.670)	-	-	-	(9.634.383.670)
- Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	10.748.150	155.559	35.299.224	7.551.939	-	-	-
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	240.211.319.694	1.123.503.098.282	176.969.268.468	10.197.128.243	8.832.254.884	20.050.688.476	1.579.763.758.047
<b>Giá trị còn lại:</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	778.533.977.100	1.067.671.797.299	136.740.474.443	8.390.641.236	11.282.824.042	19.799.798.364	2.022.419.512.484
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	761.386.150.060	993.151.444.819	125.228.278.697	7.224.019.182	10.628.745.116	18.131.747.496	1.915.750.385.370

Tài sản cố định với giá trị còn lại là 1.657,3 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 23.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	95.674.779.185	1.825.667.209	97.500.446.394
- Tăng trong kỳ	-	1.376.160.000	1.376.160.000
- Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá	32.950.800	-	32.950.800
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>95.707.729.985</u>	<u>3.201.827.209</u>	<u>98.909.557.194</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	18.216.894.699	863.452.227	19.080.346.926
- Khấu hao trong kỳ	1.428.922.092	169.318.770	1.598.240.862
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>19.645.816.791</u>	<u>1.032.770.997</u>	<u>20.678.587.788</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>77.457.884.486</u>	<u>962.214.982</u>	<u>78.420.099.468</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>76.061.913.194</u>	<u>2.169.056.212</u>	<u>78.230.969.406</u>

Một số tài sản cố định vô hình của Công ty với giá trị còn lại là 73,03 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 23.

## Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Đơn vị tính: VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	491.102.533.749	74.952.896.902	2.851.715.129	20.934.565.772	589.841.711.552
- Mua trong kỳ	-	1.482.551.870	-	-	1.482.551.870
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	707.096.726	-	-	-	707.096.726
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	491.809.630.475	76.435.448.772	2.851.715.129	20.934.565.772	592.031.360.148
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	37.780.505.316	18.999.732.956	1.172.721.164	5.541.281.903	63.494.241.339
- Khấu hao trong kỳ	12.902.433.380	5.020.655.283	240.615.516	1.312.277.196	19.475.981.375
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	50.682.938.696	24.020.388.239	1.413.336.680	6.853.559.099	82.970.222.714
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	453.322.028.433	55.953.163.946	1.678.993.965	15.393.283.869	526.347.470.213
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	441.126.691.779	52.415.060.533	1.438.378.449	14.081.006.673	509.061.137.434

Một số bất động sản đầu tư của Công ty với giá trị còn lại là 259,9 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 23.

Nhóm Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư nêu trên do chưa thu thập được thông tin tham chiếu về giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG VÀ CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA**

**14.1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Dự án Khu Công nghiệp An Phát 1 (i) Nhà máy số 8	607.781.684.300	547.329.469.748
Dự án Khu Công nghiệp An Phát Complex (ii) Mua sắm và xây dựng cơ bản	208.327.340.096 75.468.771.675	223.525.559.416 69.237.189.047
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	3.554.089.702	8.565.823.367
	-	4.518.323.240
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>895.131.885.773</u></b>	<b><u>853.176.364.818</u></b>

(i) Chủ yếu bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án Khu Công nghiệp An Phát 1 do Công ty An Phát Complex 1 phát triển.

(ii) Chủ yếu bao gồm chi phí đấu giá quyền sử dụng đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà xưởng, chi phí mua sắm máy móc, thiết bị và các chi phí khác liên quan một số lô đất và tài sản gắn liền trên đất phục vụ mục đích cho thuê hoạt động thuộc Dự án Khu Công nghiệp An Phát Complex.

Một số khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang với tổng giá trị là 678,7 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 23.

**14.2 Chi phí lãi vay được vốn hóa**

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 6.6 tỷ VND (cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021: 9,5 tỷ VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan trực tiếp đến các khoản vay để đầu tư xây dựng cho dự án Khu Công nghiệp An Phát Complex và Khu Công nghiệp An Phát 1.

# Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

## 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021		Đơn vị tính: VND
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b> (Thuyết minh số 15.1)					
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty Nhựa Hà Nội") (i) (iv)	1.054.688.057.168	-	452.899.933.400	405.292.410.612	-
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh ("Công ty Nhựa Bao bì Vinh") (ii)	82.097.195.864	-	87.546.186.500	76.966.339.609	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam ("Công ty Sunrise")	29.901.754.778	-	(*)	32.075.519.850	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xăng dầu An Đông ("Công ty An Đông")	6.600.000.000	-	(*)	6.600.000.000	(*)
Công ty Cổ phần Ancop	980.000.000	-	(*)	980.000.000	(*)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>					
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát ("Công ty PBAT") (iii)	106.320.000.000	-	(*)	-	-
Công ty Cổ phần Giải pháp và Phần mềm Dịch vụ Nam Việt ("Công ty Nam Việt")	17.432.479.452	-	(*)	17.995.000.000	(*)
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b> (Thuyết minh số 15.2)					
Đầu tư trái phiếu	30.000.000.000	-	(*)	30.000.000.000	(*)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.328.019.487.262</b>	<b>-</b>	<b>569.909.270.071</b>	<b>569.909.270.071</b>	<b>(*)</b>

- (i) Trong kỳ, Nhóm Công ty đã mua tổng cộng 26.786.257 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội. Theo đó, tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội đã tăng từ 21,37% lên thành 47,44%. Giá trị của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (mã chứng khoán giao dịch: NHH) được xác định theo giá đóng cửa phiên giao dịch ngày 30 tháng 6 năm 2022 trên sàn chứng khoán HOSE. Như được trình bày tại Thuyết minh số 23, Nhóm Công ty đã thế chấp 4.018.000 cổ phiếu NHH để đảm bảo cho các khoản trái phiếu phát hành.
- (ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Nhựa Bao bì Vinh (mã chứng khoán giao dịch: VBC) được xác định theo giá đóng cửa phiên giao dịch ngày 30 tháng 6 năm 2022 trên sàn chứng khoán HNX.
- (iii) Trong kỳ, Nhóm Công ty đã mua một số cổ phần của Công ty PBAT từ một đối tác doanh nghiệp với tổng giá phí là 106,3 tỷ VND. Theo đó, tỷ lệ vốn nắm giữ của Nhóm Công ty tại Công ty PBAT vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 18,92%.

# Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-DN/HN

## 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(iv) Khoản đầu tư này được Công ty đầu tư với mục đích nắm giữ lâu dài, kết quả kinh doanh không bị lỗ, không có dấu hiệu mất vốn. Do đó, không trích lập dự phòng.

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty đang trong quá trình thu thập các dữ liệu cần thiết để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư và trái phiếu này.

### 15.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Nhóm Công ty như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
		Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Nhựa Hà Nội	Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội	47,44	47,44	21,37	21,37
Công ty Nhựa Bao bì Vinh	Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	34,84	34,84	34,84	34,84
Công ty Sunrise	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	48	48	48	48
Công ty An Đông	Lô B1, Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	30	30	30	30
Công ty Cổ phần Ancop	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	49	49	49	49

## Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 15.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này như sau:

Giá trị đầu tư:	Đơn vị tính: VND			
	Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty Nhựa Bao bì Vinh	Công ty An Đông	Công ty Cổ phần Ancop
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	378.589.623.614	74.316.719.775	24.000.000.000	980.000.000
Tăng giá trị đầu tư	635.905.105.000	-	6.600.000.000	-
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	1.014.494.728.614	74.316.719.775	6.600.000.000	980.000.000
<b>Lãi từ công ty liên kết kể từ thời điểm mua:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	26.702.786.998	2.649.619.834	8.075.519.850	-
Lãi trong kỳ	17.959.876.627	5.130.856.255	1.666.234.928	-
Giảm do có tức nhận được	-	-	(3.360.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.469.335.071)	-	(480.000.000)	-
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	40.193.328.554	7.780.476.089	5.901.754.778	-
<b>Tổng giá trị:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	405.292.410.612	76.966.339.609	32.075.519.850	980.000.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	1.054.688.057.168	82.097.195.864	29.901.754.778	980.000.000
				<b>1.174.267.007.810</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**15.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư trái phiếu (*)	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

(\*) Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu như sau:

Đơn vị phát hành	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất/năm	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Hải Dương	30.000.000.000	Đáo hạn tháng 6 năm 2028	Lãi suất tham chiếu + 0,8%	Không có
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.000.000.000</b>			

**16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	17.409.567.845	21.816.261.896
Chi phí trả trước khác	3.910.183.565	3.745.302.375
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.319.751.410</b>	<b>25.561.564.271</b>
<b>Dài hạn</b>		
Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)	235.121.633.318	241.409.569.041
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	18.242.003.868	22.307.471.231
Chiết khấu thanh toán	2.830.464.000	5.394.196.959
Chi phí sửa chữa lớn	6.092.383.976	7.891.865.595
Chi phí trả trước dài hạn khác	6.786.901.362	10.011.185.390
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>269.073.386.524</b>	<b>287.014.288.216</b>

(\*) Một số quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 169,6 tỷ VND đã được thế chấp cho khoản vay ngân hàng của Nhóm Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 23.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Công ty An Vinh</i>	<i>Công ty An Phát International, Inc.</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>15.991.554.209</u>	<u>24.819.303.441</u>	<u>40.810.857.650</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>15.991.554.209</u>	<u>24.819.303.441</u>	<u>40.810.857.650</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	2.398.733.131	1.861.447.758	4.260.180.889
- Hao mòn trong kỳ	<u>799.577.711</u>	<u>1.240.965.171</u>	<u>2.040.542.882</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>3.198.310.842</u>	<u>3.102.412.929</u>	<u>6.300.723.771</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>13.592.821.078</u>	<u>22.957.855.683</u>	<u>36.550.676.761</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	<u>12.793.243.367</u>	<u>21.716.890.512</u>	<u>34.510.133.879</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**18.1 Phải trả người bán**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<b>Ngắn hạn</b>				
Phải trả người bán	947.431.905.707	947.431.905.707	550.554.375.667	550.554.375.667
Đối tác doanh nghiệp số 1	113.174.826.870	113.174.826.870	55.751.618.988	55.751.618.988
Đối tác doanh nghiệp số 2	139.760.883.485	139.760.883.485	126.623.085.725	126.623.085.725
Đối tác doanh nghiệp số 3	108.393.609.679	108.393.609.679	75.875.629.746	75.875.629.746
Các đối tượng khác	586.102.585.673	586.102.585.673	292.304.041.208	292.304.041.208
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	30.516.861.287	30.516.861.287	59.280.313.814	59.280.313.814
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>977.948.766.994</b>	<b>977.948.766.994</b>	<b>609.834.689.481</b>	<b>609.834.689.481</b>
<b>Dài hạn</b>				
Phải trả người bán khác (*)	637.173.380	637.173.380	887.312.160	887.312.160
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>637.173.380</b>	<b>637.173.380</b>	<b>887.312.160</b>	<b>887.312.160</b>

(\*) Đây là các khoản phải trả dài hạn với kỳ hạn trả là 60 tháng.

**18.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Số dư cuối kỳ chủ yếu bao gồm các khoản trả trước của khách hàng theo các hợp đồng mua sản phẩm hạt nhựa, bao bì và nhà xưởng của Nhóm Công ty.

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty TNHH Sản Phẩm Giấy LEO (Việt Nam)	5.248.310.948	3.233.011.924
Đối tượng khác	134.349.779.917	144.697.120.622
Trả trước từ bên liên quan (Thuyết minh số 33)	113.550.097	48.996.868
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>139.711.640.962</b>	<b>147.979.129.414</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/cán trừ trong kỳ	Đơn vị tính: VND Ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37.644.622.463	50.033.431.222	(58.852.266.613)	28.825.787.072
Thuế giá trị gia tăng	526.013.454	153.228.396.475	(153.590.574.753)	185.659.509
Thuế thu nhập cá nhân	712.592.450	1.462.660.387	(1.859.843.847)	293.584.657
Thuế xuất, nhập khẩu	-	13.436.316.748	(13.436.316.748)	-
Thuế và các khoản phải nộp khác	319.329.557	1.012.119.555	(1.200.256.602)	131.192.510
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>39.202.557.924</b>	<b>219.172.924.387</b>	<b>(228.939.258.563)</b>	<b>29.436.223.748</b>

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Đơn vị tính: VND</b>		
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí xây dựng trích trước	6.374.855.073	13.425.396.263
Chi phí lãi vay phải trả	7.361.515.680	7.418.712.248
Trích trước chi phí vận chuyển hàng đi bán	3.598.678.840	-
Chi phí phải trả khác	1.874.491.861	690.862.639
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>19.209.541.454</b>	<b>21.534.971.150</b>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí lãi vay công trình được vốn hóa	4.737.830.138	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.737.830.138</b>	<b>-</b>

**21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Đơn vị tính: VND</b>		
<b>Ngắn hạn</b>		
Doanh thu cho thuê nhà xưởng nhận trước	86.538.235.165	66.065.977.511
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>86.538.235.165</b>	<b>66.065.977.511</b>
<b>Dài hạn</b>		
Doanh thu cho thuê bất động sản nhận trước	164.894.341.559	87.753.386.549
Doanh thu chưa thực hiện khác	1.378.591.490	1.690.131.520
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>166.272.933.049</b>	<b>89.443.518.069</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả về thư tín dụng trả chậm - LC (*)	151.827.744.172	51.685.307.678
Nhận đặt cọc thuê đất và nhà xưởng trong các khu công nghiệp	102.688.565.400	76.446.982.501
Kinh phí công đoàn	851.501.198	799.983.645
Phải trả khác	21.049.515.783	34.022.833.575
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>276.417.326.553</u></b>	<b><u>162.955.107.399</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Nhận đặt cọc chi phí thuê nhà xưởng và thuê đất	9.740.653.826	6.476.802.623
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.740.653.826</u></b>	<b><u>6.476.802.623</u></b>

(\*) Đây là khoản thanh toán tín dụng L/C của các ngân hàng thương mại với thời hạn thanh toán từ 51 đến 74 ngày để bảo lãnh cho việc nhập khẩu nguyên vật liệu của Nhóm Công ty.

## Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 23. VAY

Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2021		Phát sinh trong kỳ			Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
<b>Vay ngắn hạn</b>								
Vay ngân hàng	2.119.868.178.128	2.119.868.178.128	4.163.366.502.511	(4.000.883.482.220)	2.282.351.198.419	2.282.351.198.419		
Vay ngắn hạn dài hạn đến hạn trả	56.904.000.000	56.904.000.000	31.440.000.000	(26.454.000.000)	61.890.000.000	61.890.000.000		
Vay đối tượng khác	6.408.920.000	6.408.920.000	46.000.000.000	(47.955.350.000)	4.453.570.000	4.453.570.000		
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	-	-	42.000.000.000	-	42.000.000.000	42.000.000.000		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.183.181.098.128</b>	<b>2.183.181.098.128</b>	<b>4.282.806.502.511</b>	<b>(4.075.292.832.220)</b>	<b>2.390.694.768.419</b>	<b>2.390.694.768.419</b>		
<b>Vay dài hạn</b>								
Vay ngân hàng	569.143.971.746	569.143.971.746	115.958.809.500	(91.780.600.000)	593.322.181.246	593.322.181.246		
Trái phiếu phát hành	606.853.874.086	606.853.874.086	1.466.152.038	(42.000.000.000)	566.320.026.124	566.320.026.124		
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.175.997.845.832</b>	<b>1.175.997.845.832</b>	<b>117.424.961.538</b>	<b>(133.780.600.000)</b>	<b>1.159.642.207.370</b>	<b>1.159.642.207.370</b>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. VAY (tiếp theo)**

**23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng**

Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng được trình bày như sau:

Các khoản vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	750.672.638.131	Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, tối đa 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng.	3,4% - 6,5%
Các khoản vay ngân hàng bằng USD	1.531.678.560.288	Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, tối đa 9 tháng. Lãi vay trả hàng tháng hoặc trả vào cuối kỳ.	1,25% - 4,1%

**TỔNG CỘNG**

**2.282.351.198.419**

Trong đó:

Vay có tài sản đảm bảo 2.228.241.433.474  
Vay tín chấp 54.109.764.945

Các khoản vay có tài sản đảm bảo được thế chấp bằng:

- ▶ một số hợp đồng tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng thương mại;
- ▶ hàng tồn kho luân chuyển tại các nhà máy và quyền đòi nợ/quyền phát sinh từ hợp đồng thương mại;
- ▶ một số quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất;
- ▶ hàng tồn kho tại các nhà máy;
- ▶ một số phương tiện vận tải; máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc và một số tài sản khác; và
- ▶ một số hợp đồng bảo lãnh từ bên thứ ba.

Theo các hợp đồng thế chấp như được trình bày ở các thuyết minh tương ứng và một số cổ phiếu niêm yết thuộc sở hữu của bên thứ ba.

## Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 23. VAY (tiếp theo)

#### 23.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết vay dài hạn ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	655.212.181.246	Thời hạn vay theo từng kế ước nhận nợ, tối đa 5 năm. Lãi vay trả hàng tháng và một khoản trả lãi vay mỗi sáu tháng.	5,4% - 10%

**TỔNG CỘNG** 655.212.181.246

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	61.890.000.000
Vay dài hạn	593.322.181.246

Các khoản vay có tài sản đảm bảo được thế chấp bằng:

- ▶ một số phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc và một số tài sản khác;
- ▶ một số quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; và
- ▶ một số hợp đồng bảo lãnh từ bên thứ 3.

Theo các hợp đồng thế chấp như được trình bày ở các thuyết minh tương ứng và một số cổ phiếu của một số công ty con được nắm giữ bởi Nhóm Công ty.

#### 23.3 Vay đối tượng khác

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Vay tổ chức khác	4.453.570.000	Gốc và lãi vay được trả lần cuối vào tháng 8 năm 2022.	10%	Tin chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>4.453.570.000</u>			

## Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 23. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

#### 23.4 Trái phiếu

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Phạm Hùng	147.877.998.063	Đáo hạn vào tháng 11 năm 2024, lãi trả 6 tháng một lần. Lãi suất 8%/năm.	Tài sản đảm bảo là các tài sản theo các hợp đồng cầm cố cổ phần liên quan. Cụ thể: Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty An Phát Holdings”), công ty mẹ của Công ty, và một số cổ đông khác của Công ty đã cầm cố cổ phần đang lưu hành tại Công ty và Công ty cũng cầm cố cổ phần đang lưu hành tại Công ty An Tiến và Công ty Nhựa Hà Nội cho các bên nhận đảm bảo.
Ngân hàng Shinhan Việt Nam	118.302.398.447		Tín chấp.
Ngân hàng Deagu – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	98.585.332.047		Tài sản đảm bảo là một số cổ phần của Công ty An Phát Holdings sở hữu bởi một đối tác doanh nghiệp.
Ngân hàng Keb Hana - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	98.585.332.047		Tài sản đảm bảo là một số cổ phần của Công ty An Phát Holdings sở hữu bởi một đối tác doanh nghiệp.
Công ty Actis Aiken	82.968.965.520	Đáo hạn vào tháng 7 năm 2026, lãi và gốc trả một lần vào ngày đáo hạn. Lãi suất 6%/năm.	
Đối tác doanh nghiệp số 4	42.000.000.000	Trái phiếu có kỳ hạn 3 năm. Thanh toán lãi 3 tháng 1 lần. Lãi suất 11%.	
Đối tác doanh nghiệp số 5	20.000.000.000	Trái phiếu có kỳ hạn 3 năm. Thanh toán lãi 6 tháng 1 lần. Lãi suất 7,5%.	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>608.320.026.124</b>		
Trong đó:			
- Trái phiếu phát hành đến hạn trả	42.000.000.000		
- Trái phiếu phát hành	566.320.026.124		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Số đầu kỳ	7.217.994.333	867.456.270
Trích quỹ trong kỳ (*)	59.894.234.529	50.978.625.795
Sử dụng trong kỳ	<u>(18.495.520.328)</u>	<u>(31.733.410.617)</u>
Số cuối kỳ	<u>48.616.708.534</u>	<u>20.112.671.448</u>

(\*) Trích quỹ trong kỳ bao gồm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ phục vụ công tác điều hành, cộng đồng theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông như trình bày tại Thuyết minh số 25.

# Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 25.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>									
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	2.217.599.740.000	692.074.189.329	26.544.930.000	(1.007.294.337)	80.481.616.464	13.177.404.323	568.716.740.171	426.375.132.551	4.023.962.458.501
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	161.468.382.571	24.047.702.954	185.516.085.525
- Tăng vốn phúc lợi	750.000.000.000	317.328.154.488	-	-	-	-	-	78.450.000.000	1.145.778.154.488
- Trích quỹ khen thưởng, chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(45.932.244.966)	(5.046.380.829)	(50.978.625.795)
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	-	-	-	-	(95.860.000)	(95.860.000)
- Thay đổi do tăng tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	(1.336.611.130)	-	-	-	-	(1.336.611.130)
- Thay đổi do giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	-	-	-	2.932.619.277	(162.684.129.277)	(159.751.510.000)
- Thay đổi do mua công ty con mới	-	-	-	-	-	-	(20.941.299.493)	92.191.299.493	71.250.000.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	2.967.599.740.000	1.009.402.343.817	26.544.930.000	(2.343.905.467)	80.481.616.464	13.177.404.323	666.244.197.560	454.318.963.753	5.215.425.290.450

Đơn vị tính: VND

## Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### 25.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>									
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	3.264.344.960.000	712.591.123.817	26.544.930.000	(9.142.474.446)	80.481.616.464	13.177.404.323	706.493.529.920	659.890.646.972	5.454.381.737.050
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	173.511.138.874	16.184.071.980	189.695.210.854
- Tăng vốn của các công ty con (i)	-	-	-	-	-	-	(61.420.769)	186.763.610.769	186.702.190.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	-	-	(52.915.856.654)	(6.978.377.875)	(59.894.234.529)
- Công ty con chia cổ tức bằng cổ phiếu (iii)	-	-	18.200.000.000	-	-	-	(18.200.000.000)	(100.000.000)	(100.000.000)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	9.106.630.998	-	-	-	(2.632.944.991)	6.473.686.007
- Thay đổi do tăng tỷ lệ sở hữu tại các công ty con (iv)	-	-	-	-	-	-	(47.432.599.713)	(134.869.333.888)	(182.301.933.601)
- Thay đổi do giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	-	-	-	(123.204.939)	523.204.939	400.000.000
- Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	(4.946.323.779)	(3.011.292)	(4.949.335.071)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	3.264.344.960.000	712.591.123.817	44.744.930.000	(35.843.448)	80.481.616.464	13.177.404.323	756.325.262.940	718.777.866.614	5.590.407.320.710

(i) Các giao dịch tăng vốn trong các công ty con hiện hữu chủ yếu bao gồm:

- Giao dịch Công ty An Tiến phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng với tổng mệnh giá là 368.315.080.000 VND cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 250401/2022/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Quản trị Công ty con này.
- Giao dịch Công ty AFC EcoPlastics, LLC, phát hành thêm cổ phiếu với tổng mệnh giá là 18.186.000.000 VND cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ.

(ii) Nhóm Công ty đã thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2021 theo Nghị quyết số 200601/2022/NQ-ĐHĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 20 tháng 6 năm 2022 và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của các công ty con.

(iii) Trong năm, Công ty An Phát Complex, Công ty con của Nhóm Công ty, đã thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết số 1001015/2022/NQ-ĐHĐ của Đại hội đồng cổ đông công ty con này. Theo đó, Nhóm Công ty đã thực hiện ghi nhận giá trị của phần cổ tức tương ứng theo tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty tại Công ty An Phát Complex vào khoản mục vốn khác của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**25.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

(iv) Thay đổi do tăng tỷ lệ sở hữu tại các công ty con chủ yếu đến từ các giao dịch tăng tỷ lệ sở hữu trong các công ty con là Công ty An Tiến, Công ty An Vinh, Công ty An Tín và Công ty An Thành trong kỳ.

**25.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu kỳ	3.264.344.960.000	2.217.599.740.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	750.000.000.000
Số cuối kỳ	<u>3.264.344.960.000</u>	<u>2.967.599.740.000</u>

**25.3 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>326.434.496</b>	<b>3.264.344.960.000</b>	<b>326.434.496</b>	<b>3.264.344.960.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	326.434.496	3.264.344.960.000	326.434.496	3.264.344.960.000
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>326.434.496</b>	<b>3.264.344.960.000</b>	<b>326.434.496</b>	<b>3.264.344.960.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	326.434.496	3.264.344.960.000	326.434.496	3.264.344.960.000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>326.434.496</b>	<b>3.264.344.960.000</b>	<b>326.434.496</b>	<b>3.264.344.960.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	326.434.496	3.264.344.960.000	326.434.496	3.264.344.960.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>8.606.587.371.128</b>	<b>5.554.170.049.205</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	5.964.719.247.864	3.207.667.931.009
Doanh thu bán thành phẩm	2.335.925.912.873	2.099.955.261.921
Doanh thu cung cấp dịch vụ	204.200.490.093	114.914.272.058
Doanh thu bán nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp (*)	101.531.441.285	122.418.353.007
Doanh thu hoạt động khác	210.279.013	9.214.231.210
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(4.042.784.489)</b>	<b>(5.806.885.101)</b>
Hàng bán trả lại	(2.860.144.854)	(1.805.197.082)
Giảm giá hàng bán	(1.182.639.635)	(3.919.824.413)
Chiết khấu thương mại	-	(81.863.606)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>8.602.544.586.639</b>	<b>5.548.363.164.104</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	8.346.177.006.148	5.324.472.609.526
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 33)	256.367.580.491	223.890.554.578

(\*) Doanh thu bán nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp có bao gồm doanh thu ghi nhận một lần đối với các tài sản cho thuê dài hạn, có nhận trước tiền thuê của nhiều kỳ, và có thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của các tài sản đó, theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 3.17. Nếu doanh thu từ việc cho thuê này được ghi nhận theo phương pháp phân bổ theo thời gian cho thuê, ảnh hưởng đến doanh thu, giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ và lợi nhuận gộp của Nhóm Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	
	Trường hợp doanh thu được ghi nhận một lần tại thời điểm bàn giao đất	Trường hợp doanh thu được phân bổ trong thời hạn thuê đất
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.602.544.586.639	8.551.259.952.207
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu cho thuê đất và cơ sở hạ tầng	52.029.689.654	745.055.222
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(7.865.036.320.406)	(7.842.569.124.732)
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>737.508.266.233</b>	<b>708.690.827.475</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. DOANH THU** (tiếp theo)

**26.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá	50.420.728.529	31.926.438.406
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	43.328.825.931	44.398.433.963
Cổ tức	27.479.452	744.236.640
Lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	18.500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>93.777.033.912</u></b>	<b><u>95.569.109.009</u></b>

**26.3 Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	49.501.751.631	49.017.380.479
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	21.669.765.785	18.394.999.475

**27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Giá vốn hàng hóa đã bán	5.778.100.326.471	3.018.484.964.943
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.866.614.318.621	1.750.988.280.294
Giá vốn dịch vụ cung cấp	175.439.285.897	95.221.697.419
Giá vốn bán nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp	44.463.361.396	70.607.616.107
Giá vốn hoạt động khác	419.028.021	9.938.279.204
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.865.036.320.406</u></b>	<b><u>4.945.240.837.967</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí lãi vay	75.756.440.960	82.261.165.210
Lỗ chênh lệch tỷ giá	26.568.910.285	10.406.705.583
Chi phí phát hành trái phiếu	3.150.772.728	3.487.848.297
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	-	(478.094.158)
Chi phí tài chính khác	4.610.666.752	1.750.122.039
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>110.086.790.725</u></b>	<b><u>97.427.746.971</u></b>

**29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
- Chi phí nhân công	12.214.105.937	11.365.558.735
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.679.077.221	8.082.244.279
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	367.765.646.010	259.551.523.150
- Chi phí khác	4.936.965.329	7.771.390.363
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>392.595.794.497</u></b>	<b><u>286.770.716.527</u></b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nhân công	40.820.887.695	29.904.465.809
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.071.898.653	30.434.760.917
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.773.959.418	13.550.408.730
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	4.389.633.880
- Chi phí khác	9.225.807.893	11.657.417.045
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>114.892.553.659</u></b>	<b><u>89.936.686.381</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>3.158.104.503</b>	<b>4.067.353.005</b>
Lãi thanh lý tài sản cố định	1.916.474.077	195.358.226
Thu nhập khác	1.241.630.426	3.871.994.779
<b>Chi phí khác</b>	<b>4.200.382.134</b>	<b>12.417.987.911</b>
Ứng hộ Quỹ phòng chống dịch COVID-19	-	11.970.909.091
Khác	4.200.382.134	447.078.820
<b>LỖ KHÁC THUẦN</b>	<b><u>(1.042.277.631)</u></b>	<b><u>(8.350.634.906)</u></b>

**31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	1.295.646.332.955	1.276.653.803.481
Chi phí nhân công	218.166.085.506	210.926.227.232
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	155.207.034.206	156.028.576.209
Chi phí dịch vụ mua ngoài	842.500.264.336	576.482.771.925
Chi phí khác	30.355.843.025	27.769.357.545
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.541.875.560.028</u></b>	<b><u>2.247.860.736.392</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty trong kỳ là 20% thu nhập chịu thuế, ngoại trừ những trường hợp sau đây:

- ▶ Thuế TNDN áp dụng cho Công ty An Phát Complex là 20% thu nhập chịu thuế, ngoại trừ thuế suất thuế TNDN áp dụng cho hoạt động chuyển nhượng đất của Dự án Đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp An Phát Complex của Công ty. Theo đó, thu nhập chuyển nhượng đất từ Dự án này có thuế suất thuế TNDN hàng năm đến năm 2026 là 5%, năm 2027 là 10% và trong các năm tiếp theo sau đó là 20% do Công ty An Phát Complex được kế thừa các ưu đãi thuế từ nhận chuyển nhượng dự án cũ. Thuế suất thuế TNDN trong năm cho hoạt động này là 5%;
- ▶ Đối với Dự án Nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCO<sub>3</sub> mở rộng và bột đá CaCO<sub>3</sub> của Công ty An Tiến, theo công văn số 2093/CT-TTHTNNT của Cục thuế tỉnh Yên Bái ngày 20 tháng 6 năm 2019, Công ty An Tiến được miễn thuế TNDN trong 2 năm (từ năm 2018 đến năm 2019) và được giảm 50% thuế TNDN trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2020 đến năm 2023) với phần thu nhập từ dự án đầu tư mở rộng. Thuế suất thuế TNDN trong năm cho hoạt động này là 10%;
- ▶ Công ty An Thành Singapore chịu thuế suất 17% theo Luật thuế TNDN của Singapore; và
- ▶ Công ty An Phat International, Inc. và Công ty AFC EcoPlastics, LLC. chịu thuế suất 21% theo Luật thuế TNDN của Hoa Kỳ.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**32.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	49.954.854.035	34.072.108.547
Chi phí thuế TNDN trích thiếu năm trước (Thu nhập)/Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	5.084.996
	<u>(2.225.213.446)</u>	<u>3.692.716.376</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>47.729.640.589</u></b>	<b><u>37.769.909.919</u></b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>237.424.851.443</b>	<b>223.285.995.444</b>
Thuế TNDN theo các mức thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty		
<i>Thuế suất thuế TNDN 20%</i>	53.676.908.921	41.004.313.171
<i>Thuế suất thuế TNDN 17%</i>	51.875.435.113	35.935.026.347
<i>Thuế suất thuế TNDN 10%</i>	965.424.468	1.192.741.942
<i>Thuế suất thuế TNDN 5%</i>	672.216.259	3.701.927.884
<i>Thuế suất thuế TNDN 5%</i>	163.833.081	174.616.998
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.071.802.141	1.076.827.607
Trích lập dự phòng không được trừ	7.140.773.215	641.076.205
Chênh lệch kỳ ghi nhận doanh thu và giá vốn cho mục đích tính thuế TNDN	1.338.614.873	34.068.987
Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	(4.951.393.562)	(1.416.069.017)
(Lỗ)/lãi chênh lệch tỷ giá	(3.804.455.196)	89.332.248
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(2.365.548.064)
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	-	5.084.996
Điều chỉnh khác	(6.742.609.803)	(1.299.176.214)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>47.729.640.589</u></b>	<b><u>37.769.909.919</u></b>

**32.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**32.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Chênh lệch tạm thời liên quan lợi nhuận chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ	4.337.223.740	2.112.010.295	2.225.213.446	(139.742.223)
	<b>4.337.223.740</b>	<b>2.112.010.295</b>		
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>				
Chênh lệch phát sinh liên quan đến phân bổ thu nhập chịu thuế theo thời gian (*)	-	-	-	3.552.974.153
	-	-		
<b>Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</b>			<b>2.225.213.446</b>	<b>(3.692.716.376)</b>

(\*) Công ty đã chuyển đổi phương thức kê khai thuế TNDN đối với các hợp đồng cho thuê dài hạn đất và hạ tầng khu công nghiệp đủ điều kiện ghi nhận doanh thu một lần, từ kê khai thu nhập hàng kỳ trong suốt thời hạn cho thuê sang kê khai thu nhập một lần từ năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**32.4 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước**

Công ty và Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Ngoại trừ Công ty An Phát International, Inc. và Công ty AFC EcoPlastics, LLC. theo Luật thuế TNDN của Hoa Kỳ không giới hạn thời gian chuyển lỗ với số lỗ phát sinh.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty và Nhóm Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 82.871.802.032 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 48.966.625.640 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đơn vị tính: VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30/6/2022	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/6/2022
<i>Không giới hạn thời gian chuyển lỗ</i>					
2020		(25.038.430.320)	4.968.011.320	-	(20.070.419.000)
2021		(28.896.206.640)	-	-	(28.896.206.640)
Sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022		<u>(33.905.176.392)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(33.905.176.392)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>(87.839.813.352)</u></b>	<b><u>4.968.011.320</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>(82.871.802.032)</u></b>

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty An Phát Holdings	Công ty mẹ
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Nhựa Bao bì Vinh	Công ty liên kết
Công ty Sunrise	Công ty liên kết của công ty con
Công ty An Đông	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần Ancop	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường ("Công ty An Cường")	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty An Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư Viexim	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty PBAT	Công ty cùng Tập đoàn
Ankor Bioplastics Co. Ltd	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch HĐQT (Bỏ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)
Ông Đinh Xuân Cường	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên HĐQT
Bà Trần Thị Thoản	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Trí Nghĩa	Thành viên HĐQT (Bỏ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Thụ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lâm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hòa Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Giang	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Phượng	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Văn Thị Lan Anh	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Phạm Hoàng Việt	Lãnh đạo chủ chốt tại công ty con
Ông Phạm Văn Tuấn	Lãnh đạo chủ chốt tại công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Công ty An Phát Holdings	Công ty mẹ	Mua hàng hóa Vay Trả vay	11.116.996.421 194.000.000.000 194.000.000.000	17.509.000.000 71.000.000.000 71.000.000.000
Công ty An Cường	Công ty cùng Tập đoàn (*)	Doanh thu bán hàng Mua hàng hóa Cho vay Thu tiền cho vay	200.878.625.831 5.444.528.570 30.000.000.000 30.000.000.000	122.079.725.602 66.247.077.735 30.000.000.000 8.950.000.000
Công ty An Trung	Công ty cùng Tập đoàn	Cho vay Doanh thu bán hàng	20.000.000.000 7.223.014.343	7.200.000.000 4.267.900.079
Công ty Sunrise	Công ty liên kết của công ty con	Mua hàng hóa Doanh thu bán hàng Cho vay	26.010.589.400 5.086.746.072 10.000.000.000	32.171.159.213 9.030.087.429 -
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty liên kết	Thu tiền về cho vay Cho vay Doanh thu bán hàng	130.000.000.000 100.000.000.000 16.734.417.100	- 30.000.000.000 14.773.814.500
Công ty Nhựa Bao bì Vinh	Công ty liên kết	Doanh thu bán hàng	4.595.390.292	1.401.823.632
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Doanh thu bán hàng Cho vay Thu tiền về cho vay Mua hàng hóa	10.205.746.331 18.300.000.000 17.800.000.000 26.460.722.604	7.813.390.031 - - 19.438.468.540
Ankor Bioplastics Co. Ltd	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Doanh thu bán hàng	8.999.200.000	-
Công ty PBAT	Công ty cùng Tập đoàn	Cho vay	9.000.000.000	-
Ông Phạm Văn Tuấn	Lãnh đạo chủ chốt tại công ty con	Chi hộ và tạm ứng Hoàn ứng	9.325.957.000 243.707.701	- -
Ông Phạm Hoàng Việt	Lãnh đạo chủ chốt tại công ty con	Chi hộ và tạm ứng	6.095.179.003	-

(\*) Tập đoàn bao gồm Công ty An Phát Holdings và các công ty con, công ty liên kết được sở hữu trực tiếp, gián tiếp bởi Công ty An Phát Holdings.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Nhóm Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ các khoản cho vay và đi vay có lãi suất, phải thu và phải trả đối với bên liên quan của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng phải thu nợ khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Nhóm Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</i></b>				
Công ty An Cường	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	139.494.310.989	5.152.837.392
Ankor Bioplastics Co. Ltd	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Bán hàng hóa	6.477.800.000	4.998.912.000
Công ty Sunrise	Công ty liên kết của công ty con	Bán hàng hóa	4.251.074.225	-
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Bán hàng hóa	3.697.483.282	2.792.420.603
Công ty An Trung	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	2.574.852.104	-
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	2.226.891.420	3.042.328.835
Công ty Nhựa Bao bì Vĩnh	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	110.360.000	4.692.600.000
Các bên liên quan khác			737.324.958	1.882.151.082
			<b>159.570.096.978</b>	<b>22.561.249.912</b>
<b><i>Phải thu dài hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</i></b>				
Ankor Bioplastics Co. Ltd	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Bán hàng hóa	69.460.800.930	68.443.341.120
Công ty An Cường	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	149.385.457.557
			<b>69.460.800.930</b>	<b>217.828.798.677</b>
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)</i></b>				
Ankor Bioplastics Co. Ltd	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Mua hàng hóa	2.255.241.688	2.255.241.688
Công ty Sunrise	Công ty liên kết của công ty con	Mua hàng hóa	364.172.477	372.147.477
			<b>2.619.414.165</b>	<b>2.627.389.165</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
<b><i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</i></b>				
Công ty An Trung	Công ty cùng Tập đoàn	Cho vay	18.000.000.000	-
Ankor Bioplastics Co. Ltd	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Cho vay	16.556.400.000	16.556.400.000
Công Ty Sunrise	Công ty liên kết của công ty con	Cho vay	10.000.000.000	-
Công ty PBAT	Công ty cùng Tập đoàn	Cho vay	9.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Cho vay	500.000.000	-
			<b>54.056.400.000</b>	<b>16.556.400.000</b>
<b><i>Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7)</i></b>				
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty liên kết	Cho vay	-	30.000.000.000
			<b>-</b>	<b>30.000.000.000</b>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)</i></b>				
Ông Phạm Văn Tuấn	Lãnh đạo chủ chốt tại công ty con	Chi hộ và tạm ứng	11.546.051.778	2.463.802.479
Ông Phạm Hoàng Việt	Lãnh đạo chủ chốt tại công ty con	Chi hộ và tạm ứng	6.154.606.866	59.427.863
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)	Chi hộ và tạm ứng	1.552.111.664	1.441.482.950
Ankor Bioplastics Co. Ltd	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Lãi cho vay	1.165.311.374	-
Công ty An Cường	Công ty cùng Tập đoàn	Phải thu khác	486.737.839	920.619.887
Công ty An Trung	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	404.681.185	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	425.666.544	1.422.339.842
			<b>21.735.167.250</b>	<b>6.307.673.021</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 18.1)</b>				
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Mua hàng hóa	15.453.676.025	4.690.232.350
Công ty Sunrise	Công ty liên kết của công ty con	Mua hàng hóa	8.022.835.720	2.097.350.480
Công ty An Cường	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	5.094.259.910	8.718.190.600
Công ty An Phát Holdings	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	1.669.069.632	43.199.793.384
Công ty Nhựa Bao Bỉ Vinh	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	277.020.000	574.747.000
			<b>30.516.861.287</b>	<b>59.280.313.814</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 18.2)</b>				
Công ty An Trung	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	113.550.097	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa	-	48.996.868
			<b>113.550.097</b>	<b>48.996.868</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Giao dịch với bên liên quan khác*

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HDQT"), Ban Tổng Giám đốc và thủ lao Ban Kiểm soát trong kỳ:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)	90.000.000	90.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)	394.466.961	376.249.500
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2022)	60.000.000	60.000.000
Bà Hòa Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	268.943.405	297.647.326
Bà Trần Thị Thoản	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	353.095.800	369.399.654
Bà Nguyễn Thị Tien	Thành viên HĐQT	60.000.000	50.000.000
Ông Đinh Xuân Cường	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Bà Lâm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc	259.726.997	237.985.291
Ông Ngô Văn Thụ	Phó Tổng Giám đốc	110.646.769	236.973.105
Bà Nguyễn Thị Giang	Trưởng Ban Kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Bà Văn Thị Lan Anh	Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Phượng	Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000	36.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>1.788.879.932</u></b>	<b><u>1.910.254.876</u></b>

**34. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		173.511.138.874	161.468.382.571
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)		-	(29.438.423.325)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		<b><u>173.511.138.874</u></b>	<b><u>132.029.959.246</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (Trình bày lại)</i>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	326.434.496	257.154.203
Ảnh hưởng suy giảm (**)	-	-
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>326.434.496</b>	<b>257.154.203</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
- Lãi cơ bản	532	513
- Lãi suy giảm	532	513

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2021.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2022 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hiện tại.

(\*\*) Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, việc phát hành thêm cổ phiếu vào ngày 15 tháng 7 năm 2022 (Thuyết minh số 39) không làm tăng cổ phiếu thưởng. Theo đó, Tập đoàn không điều chỉnh hồi tố cho số cổ phiếu phổ thông tiềm năng này.

**35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Nhóm Công ty cũng lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động bởi những khác biệt về địa điểm theo địa điểm tài sản của Nhóm Công ty. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được tổ chức và quản lý theo địa điểm kinh doanh của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo thứ yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty cũng bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp.

Nhóm Công ty theo dõi hoạt động một cách riêng biệt cho từng bộ phận cho mục đích ra quyết định phân bổ nguồn lực và đánh giá kết quả hoạt động. Kết quả hoạt động của từng bộ phận được đánh giá dựa trên lãi lỗ và được xác định một cách nhất quán với lãi lỗ của Nhóm Công ty trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tuy nhiên, hoạt động tài chính của Nhóm Công ty (bao gồm chi phí tài chính và doanh thu tài chính) được theo dõi trên cơ sở tập trung và không phân bổ cho từng bộ phận.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

# Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

### 35.1 Thông tin theo bộ phận vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau:

Doanh thu	Việt Nam			Singapore			Mỹ			Loại trừ		Đơn vị tính: VND	
													Tổng cộng
<b>Doanh thu</b>													
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	6.052.272.531.989	1.659.642.671.407	890.629.383.243										8.602.544.586.639
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận	519.874.598.346	579.919.591.961	11.188.114.869								(1.110.982.305.176)		-
Tổng doanh thu thuần	6.572.147.130.335	2.239.562.263.368	901.817.498.112								(1.110.982.305.176)		8.602.544.586.639
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>													
Thu nhập/(lỗ) trước thuế theo bộ phận	235.160.144.302	5.678.967.456	(33.905.176.392)								30.490.916.077		244.829.784.809
Chi phí không phân bổ	-	-	-								-		7.404.933.366
<b>Tài sản và công nợ</b>													
Tài sản bộ phận	7.542.775.679.681	468.821.663.550	597.202.889.580								(924.396.841.444)		7.684.403.391.367
Tài sản không phân bổ	-	-	-								-		3.243.321.495.846
Tổng nợ phải trả theo bộ phận	1.314.085.434.670	373.580.455.370	294.350.339.648								(223.985.834.249)		1.758.030.395.439
Tổng nợ phải trả không phân bổ	-	-	-								-		3.579.287.171.064
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>													
Chi phí mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản tăng trong năm	26.408.976.607	-	1.102.967.770								-		27.511.944.377
Tài sản cố định hữu hình	24.999.865.807	-	1.102.967.770								-		26.102.833.577
Tài sản cố định vô hình	1.409.110.800	-	-								-		1.409.110.800
Khấu hao và hao mòn	154.324.422.238	-	882.611.968								-		155.207.034.206

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

**35.1 Thông tin theo bộ phận vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày** (tiếp theo)

*Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Dưới đây là thông tin về doanh thu của Nhóm Công ty theo lĩnh vực kinh doanh:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại hạt nhựa và bao bì	8.296.602.376.248
Kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp	101.531.441.285
Dịch vụ vận chuyển	204.200.490.093
Khác	210.279.013
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.602.544.586.639</u></b>

Dưới đây là thông tin về giá trị còn lại của tài sản của Nhóm Công ty theo lĩnh vực kinh doanh:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Tài sản phân bổ theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh	7.684.403.391.367
<i>Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại hạt nhựa và bao bì</i>	6.925.251.686.418
<i>Kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp</i>	683.611.464.425
<i>Dịch vụ vận chuyển</i>	75.540.240.525
Tài sản không phân bổ	3.243.321.495.846
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.927.724.887.213</u></b>

# Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

### 35.2 Thông tin theo bộ phận vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý (tính theo xuất xứ của hàng hóa) của Nhóm Công ty như sau:

Doanh thu	Việt Nam	Singapore	Mỹ	Loại trừ	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	4.513.327.072.280	754.665.703.323	280.370.388.501	-	5.548.363.164.104
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận	429.912.951.854	87.845.546.437	23.721.568.170	(541.480.066.461)	-
Tổng doanh thu thuần	4.943.240.024.134	842.511.249.760	304.091.956.671	(541.480.066.461)	5.548.363.164.104
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
Thu nhập/(lỗ) trước thuế theo bộ phận	225.312.655.238	7.189.290.586	(6.066.322.595)	-	226.435.623.229
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	(3.149.627.785)
<b>Tài sản và công nợ</b>					
Tài sản bộ phận	6.277.465.762.991	176.212.124.620	387.990.310.080	(329.715.380.480)	6.511.952.817.211
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	3.130.357.264.116
Tổng nợ phải trả theo bộ phận	887.788.738.779	190.472.755.920	267.688.654.080	(329.715.380.480)	1.016.234.768.299
Tổng nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	3.410.650.022.578
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>					
Chi phí mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản tăng trong năm	229.769.172.717	-	-	-	229.769.172.717
Tài sản cố định hữu hình	229.769.172.717	-	-	-	229.769.172.717
Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-	-
Khấu hao và hao mòn	155.402.755.989	-	625.820.220	-	156.028.576.209

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

35.2 Thông tin theo bộ phận vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

*Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Dưới đây là thông tin về doanh thu của Nhóm Công ty theo lĩnh vực kinh doanh:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại hạt nhựa và bao bì	5.301.816.307.829
Kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp	122.418.353.007
Dịch vụ vận chuyển	97.754.118.556
Khác	26.374.384.712
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.548.363.164.104</u></b>

Dưới đây là thông tin về giá trị còn lại của tài sản của Nhóm Công ty theo lĩnh vực kinh doanh:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Tài sản phân bổ theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh	6.511.952.817.211
<i>Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại hạt nhựa và bao bì</i>	5.592.041.095.486
<i>Kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp</i>	877.395.425.999
<i>Dịch vụ vận chuyển</i>	42.516.295.726
Tài sản không phân bổ	3.130.357.264.116
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.642.310.081.327</u></b>

36. CÁC CAM KẾT

*Cam kết thuê hoạt động*

Nhóm Công ty hiện đang thuê đất, nhà xưởng, thuê dịch vụ theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Đến 1 năm	5.921.258.832	6.637.064.375
Từ 1 – 5 năm	11.457.247.457	12.150.183.161
Trên 5 năm	75.808.742.811	54.135.963.253
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>93.187.249.100</u></b>	<b><u>72.923.210.789</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**36. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)**

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Nhóm Công ty cho thuê nhà xưởng, thuê dịch vụ theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Đến 1 năm	21.859.120.440	30.491.092.351
Từ 1 – 5 năm	60.251.446.719	103.054.392.128
Trên 5 năm	<u>106.260.027.850</u>	<u>145.448.984.862</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>188.370.595.009</u></b>	<b><u>278.994.469.341</u></b>

***Cam kết khác***

Công ty và một đối tác doanh nghiệp đã ký kết thỏa thuận nhận cấp phép bản quyền một số sản phẩm văn bản với một đối tác doanh nghiệp (bên cấp phép). Theo đó, Công ty đảm bảo vô điều kiện cho bên cấp phép việc thanh toán số tiền bản quyền hàng kỳ trong trường hợp Đối tác doanh nghiệp này không hoàn thành nghĩa vụ trong thời hạn hoặc không trả bất kỳ khoản tiền chưa thanh toán nào khác.

Công ty An Phát Complex và Công ty An Phát Complex 1, các công ty con của Công ty đã ký kết các hợp đồng liên quan đến việc triển khai xây dựng nhà xưởng và hạ tầng khu công nghiệp. Tổng số vốn cam kết theo những hợp đồng này tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 ước tính là 910 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 960,9 tỷ VND).

**37. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ (USD)	24.869.786	16.850.235
- Euro (EUR)	6.495	10.058
- Đồng bảng Anh (GBP)	101,89	101,89
- Đô la Singapore (SGD)	17.826	17.826

**38. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM**

***Đại dịch Covid-19***

Đại dịch Covid-19 đang tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực tới kinh tế và hoạt động của hầu hết các doanh nghiệp và các ngành nghề. Tình hình này có thể mang lại những bất ổn và tác động đến môi trường mà Công ty và các công ty con đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang liên tục theo dõi các diễn biến đang diễn ra và đánh giá tác động tài chính đối với việc định giá tài sản, các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau khi tình hình dịch tiếp tục diễn biến, sử dụng thông tin tốt nhất thu thập được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**39. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 100101/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 1 năm 2022 và Giấy Chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 110/GCN-UBCK ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban chứng khoán nhà nước. Công ty đã phát hành thêm tổng cộng 55.840.000 cổ phiếu với mệnh giá 12.000 VND/cổ phiếu để tăng vốn cổ phần. Theo đó, vốn cổ phần đã phát hành của Công ty tăng thêm vào ngày 15 tháng 7 năm 2022 là 670 tỷ VND.

Trong tháng 7 năm 2022, Công ty An Tiến đã hoàn thành việc mua thêm 8,18% vốn cổ phần trong Công ty PBAT. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty An Tiến tại Công ty PBAT là 27,09% và Công ty PBAT trở thành công ty liên kết của Công ty An Tiến kể từ ngày 8 tháng 7 năm 2022.

Ngoài những sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Đỗ Hoài Linh  
Người lập



Nguyễn Thị Thùy Vân  
Kế toán trưởng



Hòa Thị Thu Hà  
Phó Tổng Giám đốc



Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022